

Số: ~~1884~~/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 06 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Chế độ quản lý tài chính
đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-LMHTX ngày 26/6/2014;

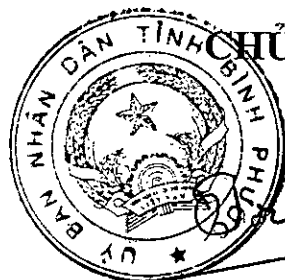
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Phước; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Liên minh HTX Việt Nam;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Liên minh HTX tỉnh: 03b;
- L&VP, Phòng: KTN, KTTH;
- Lưu: VT. 9k



Nguyễn Văn Trầm

QUY ĐỊNH
Chế độ quản lý tài chính đối với
Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND
ngày 06/9 /2014 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Vốn điều lệ và nghĩa vụ đối với Nhà nước

Quỹ được ngân sách nhà nước tỉnh cấp vốn điều lệ. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các lĩnh vực hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; đổi mới phát triển sản phẩm, đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác mới, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ hợp tác làm ăn có hiệu quả.

Điều 3. Đơn vị dự toán và sử dụng thu nhập

Quỹ là đơn vị hạch toán độc lập, đơn vị dự toán cấp II trực thuộc đơn vị dự toán cấp I - Liên minh Hợp tác xã tỉnh, được sử dụng các khoản thu nhập để trang trải chi phí cho các hoạt động; được sử dụng phân phối chênh lệch thu, chi tài chính theo đúng các quy định tại Quy định này.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn và tài sản

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước và hướng dẫn về tài chính

Sở Tài chính tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với Quỹ. Liên minh Hợp tác xã tỉnh có trách nhiệm

hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định dự toán, quyết toán hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính).

Chương II VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 6. Vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 8 tỷ đồng do ngân sách nhà nước tỉnh cấp. Hàng năm hoặc khi có yêu cầu tăng mức vốn điều lệ của Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

5. Vốn nhận uỷ thác từ ngân sách nhà nước các cấp trong tỉnh, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

6. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

7. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sử dụng và bảo toàn vốn

Vốn hoạt động của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, bảo đảm an toàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động quy định tại Quyết định Thành lập và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 8. Cân đối và kế hoạch hoá nguồn vốn

Hàng năm Quỹ phải cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn cho hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; thực hiện kế hoạch hoá các nguồn vốn huy động.

Điều 9. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn điều lệ hiện có.

b) Ngân sách nhà nước tỉnh cấp.

LawSoft * Tel: 0938.930.3279 * www.ThuVienPhapLuat.VN



c) Khấu hao tài sản cố định của Quỹ.

d) Quỹ đầu tư phát triển của Quỹ và các nguồn hợp pháp khác.

2. Vốn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho các hoạt động của Quỹ tối đa không quá 15% vốn điều lệ hiện có của Quỹ. Các công tác đầu tư, công tác mua sắm tài sản cố định của Quỹ được thực hiện theo quy định như đối với công ty nhà nước. Quỹ phải xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định hàng năm trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét phê duyệt, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định và thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trong phạm vi kế hoạch được duyệt.

Điều 10. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

1. Thực hiện kiểm kê tài sản hàng năm tại thời điểm khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm (cuối ngày 31 tháng 12).

2. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Quỹ:

a) Quỹ phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thu hồi tài sản thế chấp kể cả tài sản cầm cố, bảo lãnh của bên thứ ba, bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay khi chủ đầu tư không trả được nợ.

- Thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ.

b) Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành như đối với công ty nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh của bên thứ ba, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Quỹ theo quy định như đối với công ty nhà nước.

Điều 11. Xử lý tổn thất về tài sản

Trong các trường hợp tổn thất về tài sản, Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

1. Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân, tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường đúng theo quy định của pháp luật.

2. Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo quy định pháp luật, xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Sau khi thực hiện các biện pháp ở Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, nếu không đủ thì phần còn thiếu được đưa vào chi phí của Quỹ.

Điều 12. Trích lập khấu hao tài sản

Về việc trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định của Quỹ, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp.

Điều 13. Sử dụng tài sản

Quỹ được quyền cho thuê trụ sở, tài sản thuộc quyền quản lý của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản

Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản bị hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

1. Khi thanh lý tài sản phải thành lập Hội đồng Xác định giá tài sản nhà nước, đối với những tài sản pháp luật quy định phải bán đấu giá thì khi thanh lý phải tổ chức bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật như đối với doanh nghiệp.

2. Chênh lệch tăng giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán phát sinh được hạch toán vào thu nhập của Quỹ. Trường hợp số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ thấp hơn giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán thì phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Chương III

TRÍCH LẬP QUỸ DỰ PHÒNG RỦI RO

Điều 15. Mục đích sử dụng của quỹ dự phòng rủi ro

Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất (xoá nợ gốc) do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn, động đất, dịch bệnh...) phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay các dự án, hỗ trợ, tài trợ có hoàn lại vốn gốc và được hạch toán vào chi phí nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 16. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro

Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hàng năm nhưng tối thiểu không dưới 0,2% tính trên số dư nợ cho vay hàng năm của Quỹ. Việc trích lập được thực hiện mỗi năm một lần khi kết thúc năm tài chính.

Điều 17. Xử lý chênh lệch quỹ dự phòng rủi ro và tổn thất

Cuối năm tài chính, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư của quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Chủ tịch Hội đồng quản

lý Quỹ báo cáo Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính xem xét, quyết định.

Chương IV **THU, CHI TÀI CHÍNH**

Điều 18. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ là tất cả các khoản thực thu trong năm, phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác của Quỹ:

1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay của các dự án, phương án vay vốn đầu tư của Quỹ.
 - b) Thu phí quản lý từ hoạt động hỗ trợ, tài trợ có hoàn lại vốn gốc.
 - c) Thu lãi tiền gửi của Quỹ gửi tại Kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng.
 - d) Thu phí dịch vụ nhận uỷ thác cho vay lại, hỗ trợ, tài trợ theo hợp đồng uỷ thác.
- đ) Thu từ hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ khác.
2. Thu nhập từ các hoạt động tài chính:
 - a) Thu lãi từ hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ.
 - b) Thu từ hoạt động cho thuê trụ sở, tài sản.
 - c) Thu từ các dịch vụ tài chính khác.
3. Thu nhập từ các hoạt động bất thường:
 - a) Các khoản thu phạt theo quy định.
 - b) Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán).
 - c) Thu chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp kể cả tài sản cầm cố, bảo lãnh của bên thứ ba khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ.
 - d) Thu từ khoản nợ đã xoá nay thu hồi được.
 - đ) Thu từ các khoản thu nhập bất thường khác.

Điều 19. Chi phí của Quỹ

Chi phí của Quỹ là toàn bộ các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hoá đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Nếu pháp luật chưa có quy định, căn cứ vào khả năng tài chính Quỹ xây dựng định mức, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định:

1. Chi các hoạt động nghiệp vụ:

- a) Chi phí hoạt động huy động vốn.
- b) Chi phí cho dịch vụ thanh toán.
- c) Chi phí hoạt động uỷ thác.
- d) Chi hoạt động trích lập quỹ dự phòng rủi ro.
- đ) Chi phí thuê tổ chức, chuyên gia thẩm định dự án; chi cộng tác viên.
- e) Chi khác cho hoạt động nghiệp vụ (chi hoạt động cho vay, hỗ trợ, tài trợ; chi hoạt động nhận uỷ thác; chi hoạt động tiếp nhận, sử dụng viện trợ, tài trợ,...)

2. Chi cho người lao động làm việc trực tiếp:

a) Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương theo chế độ hiện hành như đối với công ty nhà nước.

b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định.

c) Chi ăn ca: Mức chi hàng tháng cho mỗi viên chức, nhân viên tối đa không quá mức lương tối thiểu Nhà nước quy định cho công nhân, viên chức.

d) Chi trang phục giao dịch (mỗi năm 2 bộ hè thu, 2 năm 1 bộ comple đối với nam, áo dài hoặc comple đối với nữ), chi phương tiện bảo hộ lao động theo quy định.

đ) Chi phụ cấp cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, cán bộ làm việc bán chuyên trách; chi thuê chuyên gia.

e) Chi khác cho người lao động theo quy định.

3. Chi phí hoạt động quản lý:

a) Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định.

b) Chi cho các hoạt động quản lý và công vụ:

- Chi phí mua sắm công cụ lao động, vật tư văn phòng.

- Chi về cước phí Bưu điện và truyền tin bao gồm: Chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, telex, fax, dịch vụ internet... Các khoản chi này trả theo hoá đơn của cơ quan bưu điện và đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan Quỹ.

- Chi nhiên liệu vận chuyển phục vụ cán bộ đi công tác theo chế độ Nhà nước quy định.



- Chi công tác phí cho cán bộ, viên chức theo quy định.
- Chi phí tuyên truyền, hợp báo, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, hội thảo kể cả hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát.
- Chi cho hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chế độ quy định.
- Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản của Quỹ.
- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức, nhân viên.
- Chi đoàn ra, đoàn vào đúng theo chế độ quy định của Nhà nước.

c) Trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho viên chức, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc hàng năm không chi hết, được chuyển số dư sang năm sau. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc làm trong năm thì toàn bộ phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý trong kỳ.

d) Chi phí cho hoạt động quản lý khác theo quy định.

4. Chi các hoạt động tài chính:

a) Chi cho các hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ.

b) Chi phí thuê trụ sở, tài sản và các khoản chi hoạt động tài chính khác (chi thuê kiểm toán độc lập...).

5. Các khoản chi hoạt động bất thường:

a) Chi phí cho hoạt động thu hồi các khoản nợ đã xoá.

b) Chi phí hoạt động để thu các khoản phạt.

c) Chi phí bảo hiểm tài sản và chi các loại bảo hiểm khác theo quy định.

d) Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp kể cả tài sản cầm cố, bảo lãnh của bên thứ ba khi chủ đầu tư không trả được nợ, tài sản được hình thành từ vốn vay của Quỹ.

đ) Chi hỗ trợ cho các hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể của Quỹ theo quy định của Nhà nước.

e) Các khoản chi bất thường khác theo quy định (chi chênh lệch thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ; chi chênh lệch tổn thất về tài sản; chi chênh lệch quỹ dự phòng rủi ro và tổn thất sau khi Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính xem xét, quyết định chi; chi các khoản thiệt hại không được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường; chi các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân khách quan...).

Điều 20. Các nội dung chi không được hạch toán vào chi phí

Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản:

1. Các khoản bị thiệt hại đã được Chính phủ hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.
2. Các khoản chi phí phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.
3. Các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
4. Các khoản chi phí mua sắm, xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi.

Điều 21. Bù đắp chi phí hoạt động của Quỹ

Quỹ được ngân sách nhà nước tinh bù đắp chi phí trong các trường hợp:

1. Trong thời gian 5 năm đầu hoạt động, trường hợp các khoản thu của Quỹ không đủ bù đắp chi phí, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ kinh phí bù đắp chi phí hoạt động của Quỹ hàng năm.
2. Trong thời gian vốn điều lệ ít, các khoản thu của Quỹ không đủ bù đắp chi phí, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ kinh phí bù đắp chi phí hoạt động của Quỹ hàng năm.

Chương V

PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 22. Phân phối thu nhập

Chênh lệch thu, chi tài chính hàng năm trên cơ sở thu nhập trừ đi chi phí hợp lý, hợp lệ, được phân phối:

1. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành trừ các khoản thuế được miễn theo quy định tại Điều 2, Chương I của Quy định này.
2. Trừ các khoản tiền nộp phạt vi phạm kỷ luật thu, nộp ngân sách và các khoản chi phí hợp lệ chưa được trừ.
3. Phần còn lại của thu nhập được trích lập các quỹ:
 - a) Trích 50% vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.
 - b) Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Mức trích 2 quỹ tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện.

c) Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ trên được trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 23. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

2. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ.

3. Quỹ khen thưởng được sử dụng:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, viên chức của Quỹ. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ căn cứ năng suất lao động, thành tích của mỗi cán bộ, viên chức đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả thiết thực. Mức thưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào các hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

4. Quỹ phúc lợi:

a) Quỹ phúc lợi được sử dụng:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi; mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi của Quỹ; góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị theo hợp đồng thoả thuận.

- Chi cho các hoạt động thể dục, thể thao, văn hoá, văn nghệ, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức Quỹ.

- Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho viên chức, nhân viên Quỹ.

- Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội của ngành, địa phương và chi các hoạt động phúc lợi khác.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phối hợp với ban chấp hành công đoàn của Quỹ quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi.

Chương VI

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THỐNG KÊ VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Điều 24. Năm tài chính của Quỹ

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 25. Công tác kế toán

Quỹ được vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện chế độ kế toán và hạch toán kế toán.

Điều 26. Kế hoạch tài chính và chi phí

1. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập và báo cáo Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định để báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) các kế hoạch:

a) Kế hoạch vốn hàng năm, bao gồm: Vốn điều lệ ngân sách nhà nước tỉnh cấp; vốn thu hồi nợ vay và nợ hỗ trợ, tài trợ; vốn huy động khác.

b) Kế hoạch sử dụng vốn, bao gồm: Kế hoạch cho vay đầu tư, kế hoạch hỗ trợ, tài trợ có hoàn lại vốn gốc và kế hoạch sử dụng vốn khác.

c) Kế hoạch thu, chi tài chính có thuyết minh chi tiết về các mục thu, chi.

2. Quỹ có trách nhiệm lập và báo cáo Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định hàng năm trước khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Ngoài việc Quỹ được ngân sách nhà nước tỉnh bù đắp chi phí hoạt động theo quy định tại Điều 21 Chương IV của Quy định này, theo nhu cầu và điều kiện thực tế Quỹ phải xây dựng và báo cáo Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổng hợp kế hoạch bù đắp chi phí hoạt động của Quỹ báo cáo Giám đốc Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí bù đắp chi phí hoạt động của Quỹ trong năm tài chính.

Điều 27. Báo cáo tài chính

Định kỳ (6 tháng, năm) Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính:

1. Báo cáo 6 tháng của Quỹ được gửi chậm nhất vào ngày 31 tháng 6 của năm.

2. Báo cáo quyết toán năm của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định, gửi Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau.

Điều 28. Kiểm tra tài chính

Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính:

1. Kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

2. Kiểm tra chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính khi cần thiết.

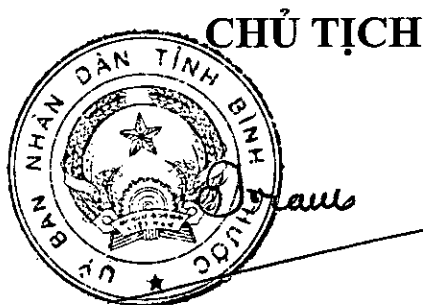
Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo Quy định này và hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Khi Bộ Tài chính có sự thay đổi nội dung hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thì Quỹ được áp dụng các nội dung sửa đổi, bổ sung.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định Chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này./.



Nguyễn Văn Trâm